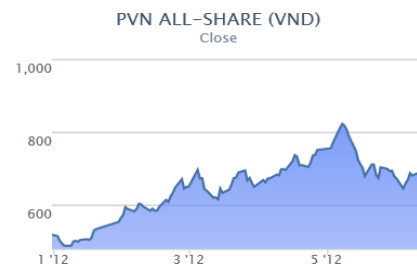


DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

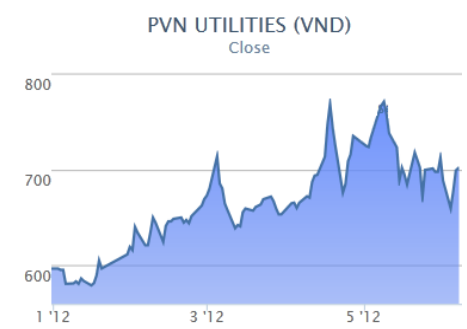
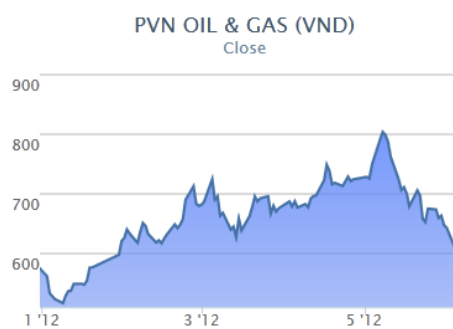
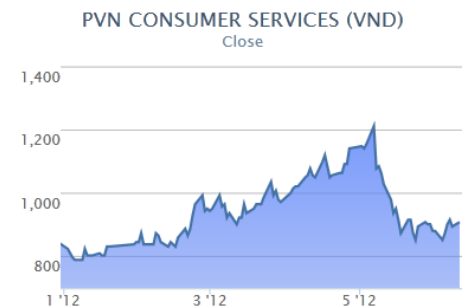


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	858.12	↑ 15.6	↑ 1.85
PVN All-Share Continuous	708.54	↑ 7.92	↑ 1.13
PVN All-Share	689.03	↑ 8.04	↑ 1.18
PVN All-Share HSX	718.11	↑ 5.06	↑ 0.71
PVN All-Share HNX	657.31	↑ 12.91	↑ 2
PVN Vật Liệu Cơ Bản	985.51	→ 0	→ 0
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	908.45	↑ 14.08	↑ 1.57
PVN Tài Chính	682.49	↑ 13.23	↑ 1.98
PVN Công Nghiệp	587.87	↑ 16.43	↑ 2.88
PVN Dầu Khí	629.69	↑ 3.88	↑ 0.62
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	699.68	↑ 1.12	↑ 0.16

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	432.50 ↓	-0.40	-0.09%
KLGD (triệu ck)	68.15 ↓	-14.50	-17.55%
GTGD (tỷ đồng)	1,180.21 ↓	-19.33	-1.61%
Tổng cung (triệu ck)	92.66 ↓	-59.67	-39.17%
Tổng cầu (triệu ck)	93.99 ↓	-51.73	-35.50%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.33 ↓	-0.05	-1.57%
KL bán (triệu ck)	7.07 ↑	2.42	51.94%
Giá trị mua (tỷ đồng)	77.06 ↓	-12.02	-13.50%
Giá trị bán (tỷ đồng)	165.66 ↑	54.56	49.11%

Nhận định thị trường:

Bộ trưởng Kinh tế Tây Ban Nha cho rằng nước này sẽ yêu cầu EU cho vay tới 100 tỷ EUR (tương đương 125 tỷ USD) nhằm hỗ trợ hệ thống ngân hàng. Theo ông, điều kiện để nhận được khoản vay trên “rất thuận lợi” và không có bất kỳ điều kiện kinh tế cụ thể nào kèm theo. Eurozone sẽ cung cấp gói giải cứu cho Tây Ban Nha thông qua Quỹ Bình ổn Tài chính châu Âu (EFSF) và Cơ chế Bình ổn châu Âu (ESM).

Ngân hàng Nhà nước tuyên bố sau đợt giảm ngày 11/6, lãi suất huy động tiền đồng kỳ hạn dưới 12 tháng sẽ được giữ ổn định cho tới cuối năm. Cam kết tỷ giá tăng không quá 3% cũng tiếp tục được bảo lưu. Điểm đáng lưu ý nhất là các ngân hàng sẽ được thỏa thuận mức lãi suất tiền gửi dài hạn (vốn sẽ cao hơn so với ngắn hạn) để đảm bảo cân đối kỳ hạn đối với nguồn huy động. Đồng thời, mức chênh lệch giữa trần lãi suất huy động và cho vay (spread) đối với một số lĩnh vực khuyến khích được nâng lên 4%, so với mức 3% như hiện tại.

Một số cổ phiếu bluechips trên HNX (VCG, PVX) tăng giá mạnh sau khi các mã này được VietNam ETF tăng tỷ trọng trong danh mục đã tạo hiệu ứng tâm lý khá tích cực cho sàn HNX. Phiên thứ ba liên tiếp thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn duy trì được mức cao hơn 50 triệu đơn vị cùng với diễn biến giao dịch cho thấy dấu hiệu dòng tiền ngắn hạn dần quay trở lại thị trường. Tuy nhiên, với mức thanh khoản hiện tại thì thị trường sẽ khó tăng mạnh mà thay vào đó kịch bản chỉ số dao động hẹp và thị trường phân hóa mạnh có khả năng xảy ra cao hơn.

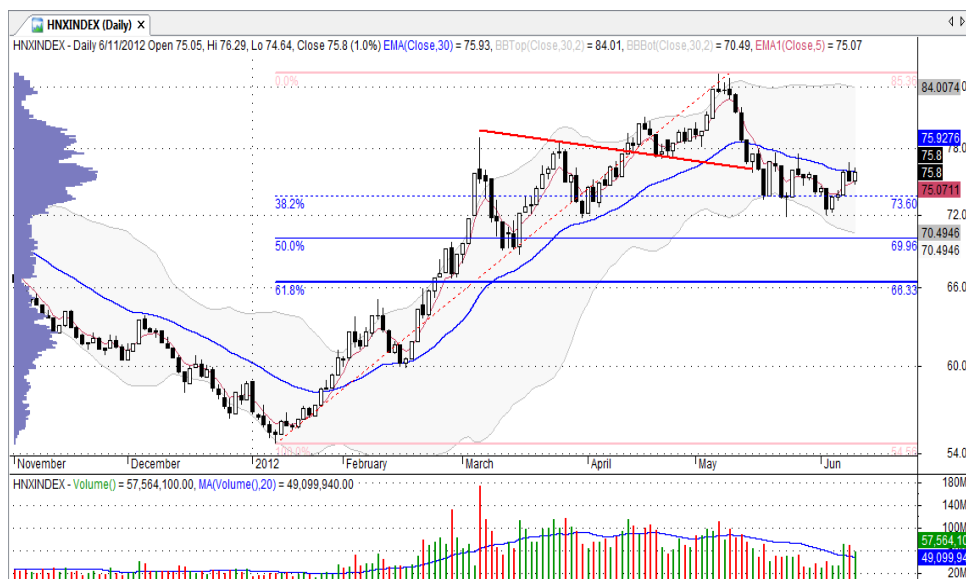
Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	75.80 ↑	0.72	0.96%
KLGD (triệu ck)	60.29 ↓	-11.34	-15.83%
GTGD (tỷ đồng)	628.73 ↓	-61.51	-8.91%
Tổng cung (triệu ck)	88.16 ↓	-31.40	-26.26%
Tổng cầu (triệu ck)	86.35 ↓	-3.56	-3.96%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.28 ↑	2.86	682.43%
KL bán (triệu ck)	2.06 ↑	0.83	67.95%
Giá trị mua (tỷ đồng)	37.86 ↑	35.60	1573.99%
Giá trị bán (tỷ đồng)	27.69 ↑	8.57	44.86%



Đồ thị HNX-Index.

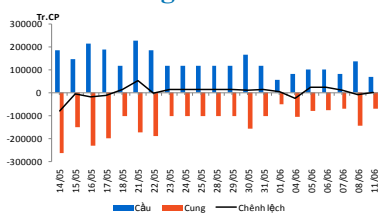
Phiên hôm nay, các mã cổ phiếu như PVX, VCG tăng giá mạnh sau khi được VietNam ETF gia tăng tỷ trọng trong danh mục là một yếu tố quan trọng có tác động tích cực tới tâm lý thị trường và giúp chỉ số tăng điểm. Thêm một phiên nữa thanh khoản sàn HNX duy trì được mức cao hơn 50 triệu đơn vị, đồng thời diễn biến giao dịch cũng cho thấy có sự quay trở lại của dòng tiền lướt sóng ngắn hạn.

Dòng tiền tham gia thị trường như mức hiện tại sẽ không tạo được động lực giúp chỉ số HNX-Index tăng giá mạnh. Theo đó, mức thanh khoản từ 50 – 60 triệu đơn vị hiện tại thường chỉ có thể tạo ra một sự dao động hẹp trên chỉ số, và đảm bảo chỉ số tạm thời không bị sụt giảm mạnh. Qua đó, sự phân hóa mạnh mẽ giữa các mã cổ phiếu trên sàn vẫn tạo ra một số cơ hội lướt sóng cho các nhà đầu tư. Tín hiệu tích cực sẽ xuất hiện nếu HNX-index cắt qua EMA (30) tại 76 điểm. HNX-Index hiện có hỗ trợ tại 73,5 điểm, ứng với Fibonacci 38,2%

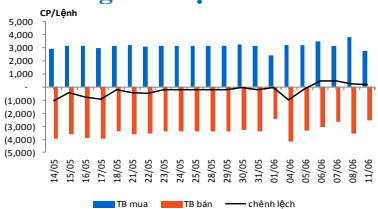
NDT ngắn hạn có thể tham gia một phần tiền vào thị trường, nhưng không nên vượt quá 50% tài khoản. Chỉ số HNX-index tạm thời ít có khả năng giảm mạnh và thị trường phân hóa nên trong ngắn hạn vẫn xuất hiện một số cơ hội tương đối tốt để giải ngân.

HSX:

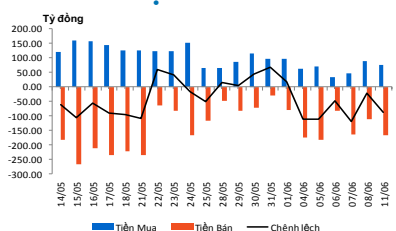
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán

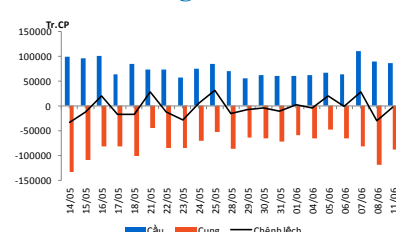


Giao dịch NĐTNN

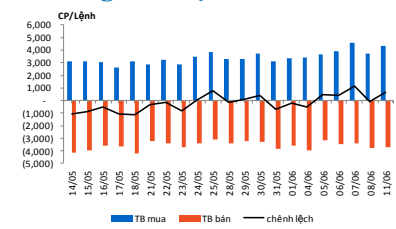


HNX:

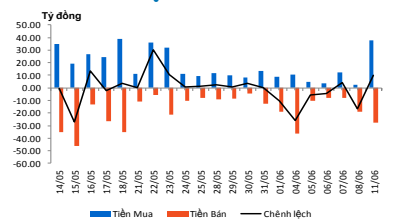
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

Đầu phiên, Sàn HOSE, do sự ðề giá các mã chủ chốt như MSN, GAS, HAG, VCB... khiến VN-Index mất 0.75 điểm, tương ứng 0.17% xuống 432.15 điểm trong đợt khớp lệnh thứ nhất dù toàn sàn chỉ có 36 mã giảm, nhưng có 67 mã tăng. Giao dịch khá yếu, với hơn 2 triệu đơn vị, tương đương 29 tỷ ðồng.

Kết phiên giao dịch buổi sáng VN-Index giữ được mức tăng 0.95 điểm, tức 0.22% đạt 433.85 điểm. Loại trừ hơn 13 triệu cổ phiếu giao dịch thỏa thuận, tương đương 327.82 tỷ ðồng thì giao dịch khớp lệnh tại HOSE chỉ còn khoảng 35 triệu đơn vị, trị giá 540 tỷ ðồng. Với 142 mã tăng giá, nhưng chỉ có 28 mã kịch trần, còn lại là 61 mã giảm và 64 mã giao dịch tham chiếu cho thấy lực cầu trên thị trường vẫn hết sức yếu ớt. Khối ngoại cũng chỉ mua vào 1.8 triệu đơn vị. Đặc biệt, họ là tác nhân chính đưa CTG lên mức giá trần với gần 500 ngàn đơn vị mua vào.

Kết phiên, VN-Index mất 0.4 điểm, tương đương 0.09% xuống còn 432.5 điểm. Như vậy, đây là phiên thứ hai mốc 430 điểm được giữ vững. Tổng khối lượng giao dịch trên HOSE đạt 68 triệu đơn vị, tương đương 1,179.5 tỷ ðồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Với sự dẫn dắt của các bluechips như VCG, PVX, VND, KLS... giúp HNX-Index tăng 0.55 điểm, tức 0.73% đạt 75.63 điểm sau 15 phút mở cửa. Giao dịch đạt khoảng 5.56 triệu đơn vị, tương đương 57 tỷ ðồng. VCG có lúc tăng kịch trần và giao dịch vượt qua mốc 1 triệu đơn vị chỉ sau 15 phút.

HNX-Index xanh điểm gần hết buổi sáng với sự dẫn dắt của PVX, VCG, VND, KLS, SCR, ACB cũng như HBB... đã giúp HNX-Index tăng 0.81 điểm, tương đương 1.08% đạt 75.89 điểm vào cuối buổi.

Kết phiên, HNX-Index dù thu hẹp biên độ nhưng vẫn giữ được mức tăng tương đối với 0.72 điểm, tương ứng 0.96% đạt 75.8 điểm, cách ngưỡng kháng cự 77 điểm không xa. Tại HNX, ngoại trừ VCG là bluechips duy nhất tăng trần, các mã khác chỉ đạt mức tăng khiêm tốn trên dưới 1%. Riêng PVX có gần gần 16 triệu đơn vị giao dịch, trị giá tương đương 171 tỷ ðồng. Giá cổ phiếu này cuối phiên tăng 4.85% đạt 10,800 ðồng/cp. Tổng cộng có 143 mã tăng giá tại HNX, và 43 mã tăng kịch trần. Còn lại có 93 mã giảm và 14 mã rớt sàn.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 13 cổ phiếu tăng giá, 8 cổ phiếu đứng giá và 7 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCG (tăng 5,45%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PXT (giảm 2,86%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,74% và tổng khối lượng giao dịch đạt 22,285 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 11/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,800.0	100	↑ 5.45	0.51	15.68	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,900.0	21,800	↓ -2.50	0.38	35.45	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,900.0	173,600	↑ 1.72	0.34	0.58	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23,600.0	483,100	→ 0.00	1.94	1.57	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13,100.0	41,600	↑ 2.34	1.22	8.29	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	-	→ 0.00	0.50	3.04	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,800.0	95,600	↑ 3.57	0.57	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,800.0	101,288	↑ 1.20	1.00	2.51	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,800.0	71,900	↓ -0.84	2.07	5.39	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,600.0	612,110	↑ 1.61	0.81	9.06	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,900.0	13,570	↑ 1.07	0.81	9.55	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,700.0	3,600	→ 0.00	0.64	3.15	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	16,300.0	928,670	↑ 1.88	1.38	4.36	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,800.0	15,839,646	↑ 4.85	0.48	4.06	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	36,800.0	176,110	↓ -1.87	2.97	11.79	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,000.0	451,620	→ 0.00	2.03	5.49	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,800.0	13,240	↓ -0.36	1.28	3.38	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,500.0	37,060	→ 0.00	0.73	6.20	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,900.0	114,720	↑ 1.57	0.74	3.18	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	34,800.0	6,070	→ 0.00	1.70	4.92	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6,000.0	226,380	↑ 1.69	0.59	4.65	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,000.0	167,990	↓ -0.29	1.15	6.68	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,400.0	1,767,020	↑ 3.08	1.18	16.96	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	6,000.0	646,410	→ 0.00	0.61	54.55	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,300.0	141,020	→ 0.00	0.70	4.87	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,800.0	42,680	↓ -1.45	0.62	3.54	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,700.0	86,430	↑ 0.86	0.88	3.51	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,800.0	21,850	↓ -2.86	0.62	4.47	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	25,000	24,700	-1.20	347,466,382
SSI	21,800	22,000	0.92	47,489,825
CTG	20,500	21,500	4.88	37,299,285
VCB	30,100	29,600	-1.66	37,676,706
HSG	20,100	21,100	4.98	30,706,189

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	10,300	10,800	4.85	171,088
VCG	12,000	12,800	6.67	64,296
VND	11,900	12,100	1.68	57,146
KLS	10,900	11,100	1.83	38,211
SCR	14,600	14,800	1.37	37,735

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VFC	8,000	8,400	400	5.00
HSG	20,100	21,100	1,000	4.98
DAG	12,100	12,700	600	4.96
OPC	34,300	36,000	1,700	4.96
SVI	22,300	23,400	1,100	4.93

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
NIS	4,300	4,600	300	6.98
SDB	2,900	3,100	200	6.90
VCG	12,000	12,800	800	6.67
KMT	6,000	6,400	400	6.67
QHD	6,000	6,400	400	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,900	1,800	-100	-5.26
CYC	2,000	1,900	-100	-5.00
FBT	12,600	12,000	-600	-4.76
KSH	11,500	11,000	-500	-4.35
VNA	4,700	4,500	-200	-4.26

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CVN	10,000	9,300	-700	-7.00
NAG	4,300	4,000	-300	-6.98
VMC	20,100	18,700	-1,400	-6.97
VC6	7,200	6,700	-500	-6.94
WCS	34,800	32,400	-2,400	-6.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
CTG	11,819	STB	58,534
EIB	8,978	VCB	26,702
SJS	6,895	SSI	11,166
REE	6,581	REE	7,943
VCB	4,861	VIC	6,263

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VCG	18,018	VND	12,756
PVX	13,424	TH1	4,857
VND	1,886	KLS	2,192
KLS	1,648	PVS	1,440
HBB	856	PVX	1,210

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339